**Phụ lục: Danh mục nhiệm vụ trọng tâm thực hiện kế hoạch phát triển công tác thông tin cơ sở giai đoạn 2026 - 2030**

*(Kèm theo Kế hoạch số 423/KH-UBND ngày 04 /11/2026 của UBND tỉnh Lạng Sơn)*

| STT | Nhiệm vụ trọng tâm | Thời gian | Đơn vị chủ trì | Đơn vị phối hợp |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Rà soát, hoàn thiện quy định, cơ chế phối hợp về hoạt động thông tin cơ sở | Rà soát ban đầu trong năm 2026; hoàn thiện cơ chế phối hợp trong năm 2027; cập nhật hằng năm | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Các sở, ngành; UBND xã, phường |
| 2 | Duy trì, nâng cấp, vận hành và kết nối Hệ thống thông tin nguồn thông tin cơ sở của tỉnh với Hệ thống thông tin nguồn thông tin cơ sở trung ương theo hướng dẫn của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. | Năm 2026 rà soát, đánh giá; xác định lộ trình nâng cấp theo nhiệm vụ được phê duyệt; duy trì vận hành thường xuyên | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Sở Khoa học và Công nghệ; Công an tỉnh; đơn vị liên quan |
| 3 | Phát triển, hiện đại hóa hệ thống truyền thanh cấp xã và cụm thu phát thanh ứng dụng CNTT-VT; thực hiện các chỉ tiêu theo Quyết định 1868/QĐ-TTg | Rà soát năm 2026; triển khai theo kế hoạch hằng năm, hoàn thành chỉ tiêu năm 2030 | UBND xã, phường | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Sở Khoa học và Công nghệ |
| 4 | Phát triển các kênh truyền thông số chính thống cấp xã, phấn đấu đạt chỉ tiêu 70% xã, phường có ít nhất 03 kênh vào năm 2030 | Triển khai hằng năm; đạt chỉ tiêu vào năm 2030 | UBND xã, phường | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; các cơ quan liên quan |
| 5 | Tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng truyền thông số cho người làm công tác thông tin cơ sở, tuyên truyền viên cơ sở | Hằng năm | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | UBND xã, phường; cơ quan liên quan |
| 6 | Đổi mới sản xuất, biên tập, phân phối nội dung trên môi trường số; nâng cao khả năng tiếp cận thông tin của người dân | Thường xuyên; đánh giá kết quả hằng năm | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | UBND xã, phường; các sở, ngành |
| 7 | Triển khai áp dụng bộ chỉ số đo lường, đánh giá hiệu quả hoạt động thông tin cơ sở do Bộ VHTTDL ban hành, hướng dẫn | Theo hướng dẫn của Bộ VHTTDL | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Các cơ quan, đơn vị |
| 8 | Từng bước ứng dụng AI và công nghệ số phù hợp trong quản lý, | 2027 - 2030 | Sở Văn hóa, | Sở Khoa học và Công |

| STT | Nhiệm vụ trọng tâm | Thời gian | Đơn vị chủ trì | Đơn vị phối hợp |
|---|---|---|---|---|
| | phân tích dữ liệu, sản xuất, cung cấp thông tin | | Thể thao và Du lịch | nghệ; Công an tỉnh |
| 9 | Bảo đảm an ninh mạng, an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu; giám sát, phát hiện, ứng cứu, xử lý sự cố theo thẩm quyền | Thường xuyên | Công an tỉnh | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Sở Khoa học và Công nghệ; UBND xã, phường; cơ quan liên quan |
| 10 | Tuyên truyền quốc phòng, an ninh, chủ quyền biên giới quốc gia, pháp luật, phòng chống tội phạm, thiên tai, dịch bệnh và thông tin đối ngoại | Thường xuyên | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Bộ CHQS tỉnh; Công an tỉnh; Sở Ngoại vụ; các sở, ngành; UBND xã, phường |
| 11 | Đầu tư, lắp đặt màn hình thông tin điện tử phục vụ thông tin cơ sở | Rà soát nhu cầu năm 2026; xác định phân kỳ theo khả năng cân đối nguồn lực và quyết định của cấp có thẩm quyền | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Tài chính; UBND các xã, phường và các cơ quan liên quan |
| 12 | Cung cấp, chia sẻ thông tin chính thống; phát hiện, ngăn chặn, xử lý thông tin giả, sai sự thật, thông tin xấu độc theo thẩm quyền | Thường xuyên | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Cơ quan, đơn vị theo chức năng |
| 13 | Tổ chức sơ kết, tổng kết triển khai thực hiện Kế hoạch phát triển công tác thông tin cơ sở giai đoạn 2026 - 2030 | Báo cáo hằng năm; sơ kết năm 2028, tổng kết năm 2030 theo hướng dẫn của Bộ VHTTDL | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Các sở, ngành; UBND xã, phường |
| 14 | Rà soát hiện trạng, xác định nhu cầu, lộ trình, nguồn lực và theo dõi mức độ đạt các chỉ tiêu | Năm 2026; cập nhật hằng năm | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | UBND xã, phường; Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Tài chính |
| 15 | Tổ chức tiếp nhận, phân loại, chuyển xử lý, theo dõi và phản hồi phản ánh, kiến nghị qua các kênh thông tin cơ sở | Thường xuyên | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Các sở, ngành; UBND xã, phường xử lý theo thẩm quyền |
| 16 | Tổ chức phát tin cảnh báo, hướng dẫn người dân trong tình huống khẩn cấp | Thường xuyên; kịp thời khi phát sinh tình huống | UBND xã, phường | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Công an tỉnh; Bộ |

| STT | Nhiệm vụ trọng tâm | Thời gian | Đơn vị chủ trì | Đơn vị phối hợp |
|---|---|---|---|---|
| | | | | CHQS tỉnh; cơ quan chuyên ngành |
| 17 | Rà soát, thực hiện chính sách hiện hành đối với người làm công tác thông tin cơ sở tại địa bàn đặc biệt khó khăn | Hằng năm | UBND xã, phường | Sở Nội vụ; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Sở Tài chính |